

Số: 109 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế,
bãi bỏ trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018
của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị
định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một
cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay
thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao
thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 220/TTr-
SGTVT ngày 21/01/2025,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải căn cứ danh mục thủ tục hành chính
được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện theo quy định;

2. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính để xây dựng quy trình điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 17/4/2020, Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính thứ tự số 08 mục II tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 08/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP); (báo cáo)
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TT.CNTTTT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KTTH, PVHCC;
- Lưu: VT. NTL

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ pháp lý: Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
Cơ quan thực hiện: Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí
I	Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung				
1	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không có
2	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không có
3	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không có

4	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Qua hệ thống DVC trực tuyến	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không có
5	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Nộp trực tiếp	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
6	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Nộp trực tiếp	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
7	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Nộp trực tiếp	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
8	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Nộp trực tiếp	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
9	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Nộp trực tiếp	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
10	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Nộp trực tiếp	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
II Danh mục thủ tục hành chính được thay thế					
11		Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
12		Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận	- Trực tiếp;	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ	Không có

		giữa Việt Nam và Campuchia	- Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	
13		Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
14		Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
15		Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
16		Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không có
III Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ					
1		Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.		
2		Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia			